

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình các ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến
thẩm tra của Ủy ban Kinh tế Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; trên cơ sở ý kiến Kết luận số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia, Chính phủ đã hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch tổng thể quốc gia), trình Quốc hội xem xét, quyết định tại Tờ trình số 475/TTr-CP ngày 06/12/2022.

Thực hiện Kế hoạch số 386/KH-UBTVQH15 ngày 09/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thẩm tra Hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ngày 14/12/2022, Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội đã tổ chức Tọa đàm lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học về nội dung của Quy hoạch tổng thể quốc gia. Ngày 16/12/2022, Ủy ban Kinh tế đã tổ chức phiên họp toàn thể thẩm tra Tờ trình số 475/TTr-CP ngày 06/12/2022 của Chính phủ. Trên cơ sở phát biểu chỉ đạo của Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Hải và ý kiến kết luận của Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế tại phiên họp thẩm tra, ngày 20/12/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo số 9308/BC-BKHĐT về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của chuyên gia và các ý kiến tại phiên họp thẩm tra của Ủy ban Kinh tế Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để báo cáo tại phiên họp thứ 18 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ngày 21/12/2022).

Thực hiện kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 1882/TB-TTKQH ngày 22/12/2022, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

I. Tiếp thu, giải trình để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch.

1. Các nội dung tiếp thu

Trên cơ sở kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 1882/TB-TTKQH ngày 22/12/2022 và Báo cáo số 1524/BC-UBKT15 ngày 20/12/2022 của Ủy ban Kinh tế thẩm tra Quy hoạch tổng thể quốc gia, Chính phủ đã nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tổng thể quốc gia và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội với những nội dung chính như sau:

a) Chính phủ tiếp thu các ý kiến liên quan đến các nhóm vấn đề chính như sau:

- Rà soát, kết cấu lại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia theo thứ tự nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia được quy định tại Điều 22 Luật Quy hoạch; bổ sung mục tên quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch; điều chỉnh thứ tự mục Tầm nhìn đến năm 2050 lên trước mục Mục tiêu phát triển; điều chỉnh tên mục Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh thành Quốc phòng, an ninh; điều chỉnh vị trí mục Định hướng sử dụng đất quốc gia về sau mục Quốc phòng, an ninh

- Rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội để đảm bảo thể hiện đầy đủ các nội dung cần có của Quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch để làm căn cứ, định hướng cho phân bố và tổ chức không gian phát triển quốc gia và làm căn cứ, định hướng cho quy hoạch không gian biển quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

- Rà soát, bổ sung các nội dung đánh giá, phân tích về hiện trạng phát triển các ngành, lĩnh vực trong báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia.

- Bổ sung quan điểm về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại quan điểm phát triển; điều chỉnh nội dung quan điểm về việc phát triển các hành lang kinh tế gắn kết với khu vực và quốc tế để thể hiện rõ khía cạnh tổ chức không gian phát triển.

- Bổ sung thêm một số nội dung về tầm nhìn đến năm 2050 để thể hiện rõ hơn diện mạo của đất nước vào năm 2050 như: Là nước phát triển, thu nhập cao, có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại. Nền kinh tế vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu. Trở thành quốc gia biển mạnh, trung tâm kinh tế biển của châu Á. Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; hệ thống an sinh xã hội bền vững. Giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển mạnh

công nghiệp văn hóa tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có thương hiệu, uy tín và tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu. Các vùng phát triển hài hoà, bền vững, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh. Giai đoạn 2031 - 2050, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,5 - 7,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 đạt 70 - 75%. Chỉ số phát triển con người ở mức rất cao (chỉ số HDI từ 0,8 trở lên), đời sống của người dân hạnh phúc; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc

- Bổ sung một số chỉ tiêu phát triển như tốc độ tăng năng suất lao động; số lượng đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực như: phát triển các khu công nghiệp sinh thái và giảm dần các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; phát triển nông nghiệp hiện đại, thông minh, các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, các vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ; bố trí không gian phát triển các vùng nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông thuận lợi để góp phần gắn kết giữa sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, các hành lang kết nối phát triển du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với phát triển các doanh nghiệp du lịch mang tầm khu vực và quốc tế.

- Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia như: chú trọng quy hoạch, phát triển không gian ngầm đô thị gắn với phát triển đô thị tại các khu vực có kết nối liên hoàn các phương thức vận tải (mô hình TOD) tại các đô thị lớn; định hướng phát triển đô thị lan tỏa từ trục Cần Thơ - Mỹ Thuận - Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh tại vùng đô thị Cần Thơ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị gắn với khuyến khích phát triển không gian ngầm, nhằm khai thác có hiệu quả quỹ đất đô thị; bổ sung nội dung về phát triển nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia như: phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa gắn với các không gian văn hóa của đất nước; hình thành kinh tế thể thao chuyên nghiệp.

- Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia như: phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin và hạ tầng số quốc gia; hoàn thành các công trình có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng; thực hiện các giải pháp để các công trình thủy lợi có thể chủ động lấy nước phục vụ sản xuất; phát triển hạ tầng cho kinh tế tuần hoàn, hạ tầng bảo vệ môi trường.

- Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu như: khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất.

- Rà soát, bổ sung một số nội dung trong định hướng khai thác và sử dụng vùng trời như: quản lý giữ vững chủ quyền vùng trời lãnh thổ quốc gia theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; khai thác sử dụng vùng trời đảm bảo an toàn tuyệt đối và hiệu quả; việc khai thác và sử dụng vùng trời phải tính tới sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng an ninh; quản lý độ cao chương ngại vật hàng không nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho mọi hoạt động khai thác, sử dụng vùng trời của các tổ chức, cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật; việc cấp phép chiều cao xây dựng đối với các công trình trên mặt đất phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho mọi hoạt động bay, hoạt động bình thường của các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời và các đài, trạm vô tuyến điện hàng không tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng phạm vi vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ bao gồm cả tỉnh Vĩnh Phúc thành vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc - Phú Thọ để tăng tính kết nối liên vùng.

- Rà soát, bổ sung và làm sâu sắc hơn nội dung về quốc phòng, an ninh trên cơ sở bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

- Bổ sung một số nội dung trong các giải pháp về khai thác nguồn lực từ đầu giá đất; phát triển nguồn nhân lực hài hòa với định hướng phân bố dân cư; thu hút trí tuệ, nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung phân kỳ thực hiện đối với các dự án quan trọng của quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đối với các ý kiến chi tiết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội: Chính phủ đã tiếp thu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Các nội dung giải trình

a) Ngoài các nội dung đã tiếp thu nêu trên, Chính phủ xin giải trình một số ý kiến liên quan đến các nhóm vấn đề chính như sau:

- Về các ý kiến liên quan đến phạm vi, mức độ chi tiết của quy hoạch tổng thể quốc gia

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Quy hoạch thì “Quy hoạch tổng thể quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, **mang tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ**, bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời; hệ thống đô thị và nông thôn; kết cấu hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”.

Về mức độ chi tiết, tại khoản 1 Điều 22 Luật Quy hoạch quy định rất rõ phạm vi nội dung của Quy hoạch tổng thể quốc gia là “**xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược** trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời”.

Như vậy, quy hoạch tổng thể quốc gia là **quy hoạch mang tính chiến lược, xác định việc tổ chức không gian phát triển của đất nước, có phạm vi ở cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng**, đặc biệt chú trọng vào việc (1) phân vùng, liên kết vùng, bao gồm việc xác định các vùng kinh tế - xã hội, các hành lang kinh tế, các vùng động lực, cực tăng trưởng, các vùng ưu tiên phát triển, các vùng hạn chế phát triển, các vùng bảo tồn, các phân vùng sản xuất chính và (2) xác định khung kết cấu hạ tầng của đất nước, việc sử dụng tài nguyên và môi trường, phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, bao gồm xác định các cảng cửa ngõ quốc tế, các hạ tầng kỹ thuật – xã hội cấp quốc gia, quốc tế, có tính liên vùng, cũng như các định hướng ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.

Các nội dung quy hoạch chi tiết về phân chia tiểu vùng, liên kết nội vùng, định hướng phát triển từng ngành, từng tỉnh sẽ được cụ thể hóa ở các quy hoạch cấp thấp hơn như quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh để tránh có sự trùng lặp, chồng chéo về nội dung giữa các cấp quy hoạch, phù hợp với việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp và tạo sự chủ động, linh hoạt, thích ứng trong quá trình lập và triển khai thực hiện quy hoạch.

- Về ý kiến sắp xếp thứ tự ưu tiên các hành lang kinh tế theo hướng Đông Tây, bao gồm 3 hành lang quan trọng là Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, Mộc Bài - Thành phố Chí Minh - Vũng Tàu; Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

Hành lang Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng là một trong các hành lang kinh tế Đông - Tây rất quan trọng, cần được chú trọng đầu tư, phát triển. Tính chất quan trọng của hành lang Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng cũng đã được thể hiện trong báo cáo quy hoạch.

Tuy nhiên, Chính phủ kiến nghị trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, mức độ ưu tiên của hành lang này thấp hơn 02 hành lang Mộc Bài - Thành phố Chí Minh - Vũng Tàu; Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, với những lý do như sau:

(1) Hành lang này chưa có cảng biển cửa ngõ tầm cỡ khu vực và quốc tế như hai cảng Lạch Huyện (Hải Phòng) và Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu);

(2) Vấn đề mặt bằng cho phát triển công nghiệp, đô thị quy mô lớn không thuận lợi, quy mô kinh tế của các địa phương chưa đủ lớn như hai hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Mộc Bài - Thành phố Chí Minh - Vũng Tàu;

(3) Hạ tầng kết nối từ Lao Bảo đến Đà Nẵng và các cơ sở kinh tế đi kèm, đặc biệt đoạn Lao Bảo đến Đông Hà còn chưa phát triển đủ mức để trở thành hành lang kinh tế ưu tiên của quốc gia đến năm 2030.

Như vậy, tuyến hành lang Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng cần thời gian tích lũy thêm về hạ tầng, quy mô kinh tế, nhân lực. Chính phủ kiến nghị chưa đưa tuyến này thành hành lang kinh tế ưu tiên phát triển trong giai đoạn đến năm 2030; điều này cũng thể hiện quan điểm phát triển có trọng tâm, trọng điểm của Quy hoạch tổng thể quốc gia.

- Về ý kiến đề nghị làm rõ các khái niệm như vùng trọng điểm, vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng.

Quy hoạch tổng thể quốc gia định hướng phát triển một số **vùng động lực, cực tăng trưởng** và hình thành một số hành lang kinh tế để tạo ra xung lực mới, động lực mới, tạo thành đầu tàu lôi kéo sự phát triển của quốc gia.

+ Vùng động lực là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia hoặc nằm trong địa giới của một vùng; vùng động lực được xác định trên cơ sở lựa chọn một số địa bàn liên kề trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm trước đây hội tụ các điều kiện và yếu tố phát triển thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, trình độ phát triển cao, giữ vai trò dẫn dắt, đầu tàu thúc đẩy, lan tỏa phát triển chung của cả nước.

+ Cực tăng trưởng được quan niệm là đô thị lớn, trung tâm kinh tế nằm trong vùng động lực hội tụ những lợi thế phát triển vượt trội, có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối hoàn thiện, có điều kiện phát huy lợi thế vốn có, bổ sung lợi thế mới, có tác động lôi kéo, chi phối sự phát triển của một vùng động lực.

Ví dụ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm 8 tỉnh, trong đó có 6 tỉnh của Đông Nam Bộ và 2 tỉnh Tiền Giang, Long An, nhưng vùng động lực chỉ bao gồm các địa phương Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và xác định Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng.

+ Hành lang kinh tế là một không gian phát triển được hình thành trên cơ sở tuyến trục giao thông huyết mạch, bao gồm các đô thị, trung tâm kinh tế kết nối dọc theo tuyến trục giao thông, tạo động lực cho sự phát triển toàn tuyến, đồng thời lan tỏa và lôi kéo sự phát triển của các khu vực lân cận.

- Về ý kiến đề nghị giải trình, làm rõ hơn cơ sở đưa ra mục tiêu tăng trưởng khác với mục tiêu cụ thể mà kịch bản 2 đưa ra

Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia xây dựng 02 kịch bản: (1) Kịch bản thấp với dự báo tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 6,3%/năm cho cả giai đoạn 2021-2030, 6,5%/năm giai đoạn 2031-2050 (đạt ngưỡng thấp nhất là nước có thu nhập cao vào năm 2045); (2) Kịch bản phấn đấu với dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 7%/năm cho cả giai đoạn 2021-2030, tốc độ tăng trưởng đạt 7,2%/năm trong giai đoạn 2031-2050.

Đối với giai đoạn 2021-2030: Theo Kịch bản 2 (kịch bản phấn đấu), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 7,05%/năm. Trong khi đó, tại mục tiêu phát triển đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2021-2030 là 7%/năm. Sự khác biệt này là không lớn và nằm trong phạm vi biến động chấp nhận được khi tính đến thời kỳ quy hoạch tương đối dài (10 năm).

- Đối với giai đoạn 2031-2050: Kịch bản 2 đưa ra mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2031-2050 có khả năng đạt 7,16%/năm. Trong khi đó, tại mục tiêu phát triển đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2031-2050 đạt khoảng 6,5-7,5%/năm để chủ động, linh hoạt trong quá trình thực hiện quy hoạch, vì đây là thời kỳ dài, có nhiều yếu tố bất định, khó lường (chiến tranh, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, công nghệ và mô hình kinh doanh mới...).

- Về ý kiến đề nghị bổ sung sự kết nối giữa các hành lang kinh tế của Việt Nam với khu vực và quốc tế

Trong báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định định hướng liên kết phát triển giữa các hành lang kinh tế của Việt Nam với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế, cụ thể như sau:

+ Hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Mộc Bài - TP. Hồ Chí Minh - Vũng Tàu của Việt Nam kết nối với hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore;

+ Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh kết nối với hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh;

+ Hành lang kinh tế Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS);

+ Hành lang kinh tế Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau kết nối với hành lang ven biển phía Nam của Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.

- Về ý kiến cho rằng việc xác định 2 vùng động lực gắn với 2 cực tăng trưởng Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Cần Thơ là chưa hợp lý vì hai địa phương này ở gần nhau và cùng ở phía Nam

Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định từ nay đến năm 2030, ưu tiên phát triển vùng động lực phía Nam gắn với cực tăng trưởng là Tp. Hồ Chí Minh và phát triển vùng động lực đồng bằng sông Cửu Long gắn với cực tăng trưởng là Tp. Cần Thơ. Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ tuy có khoảng cách tương đối gần nhau nhưng tính chất lan tỏa của các cực tăng trưởng lại khác nhau. Mặt khác, trong giai đoạn đến năm 2030 hình thành cực tăng trưởng thành phố Cần Thơ mang tính chất dẫn dắt lan tỏa để sau năm 2030 từng bước mở rộng vùng động lực đồng bằng sông Cửu Long gắn với cảng nước sâu Trần Đề (Sóc Trăng).

- Về ý kiến cho rằng mục tiêu tăng trưởng của các vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là cao trong khi quy mô của hai vùng đã rất lớn so với các vùng khác:

Mục tiêu tăng trưởng của vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng của Quy hoạch tổng thể quốc gia đã phù hợp với Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, các mục tiêu này cũng thể hiện định hướng tập trung nguồn lực cho 2 vùng động lực để phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư, bảo đảm vai trò đầu tàu, dẫn dắt sự phát triển của quốc gia

- Về ý kiến đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu về cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP đến năm 2030 giảm ít nhất 15% so với năm 2014 thành giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính

Chỉ tiêu cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP đến năm 2030 giảm ít nhất 15% so với năm 2014 đã được nêu trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đặt mục tiêu giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường (kịch bản không có hành động chủ đích để giảm nhẹ phát thải). Tại Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu trong khuôn khổ COP26, Thủ tướng Chính phủ đã công bố những cam kết của Việt Nam trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó nổi bật là mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (trong điều kiện có sự hợp tác và hỗ trợ về tài chính và chuyển giao công nghệ của cộng đồng quốc tế).

Nhìn chung, các mục tiêu, chỉ tiêu của Việt Nam đưa ra về thích ứng với biến đổi khí hậu đang có xu hướng ngày càng nâng cao. Do vậy, trong Quy hoạch tổng thể quốc gia không xác định các chỉ tiêu cụ thể mà đưa ra mục tiêu chung mang tính định hướng, cụ thể là “Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực, tạo nền tảng để phấn đấu đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của quốc gia”.

- Về ý kiến đề nghị xác định rõ phạm vi không gian biển

Phạm vi không gian biển là vấn đề phức tạp, liên quan đến vấn đề về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, trong khi quy hoạch tổng thể quốc gia sẽ được công bố, công khai. Do vậy, quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ đưa ra những định hướng lớn về phát triển không gian biển; các nội dung về việc phân vùng chức năng, sắp xếp, phân bổ và tổ chức không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam sẽ được xác định cụ thể trong Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về ý kiến đề nghị giải trình lý do xác định định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia trong quy hoạch tổng thể quốc gia; trong khi khoản 2 Điều 22 của Luật Quy hoạch không quy định về nội dung này

Khoản 2 Điều 22 của Luật Quy hoạch quy định về những **nội dung** chính của quy hoạch tổng thể quốc gia. Trong quá trình xây dựng Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia (Hợp phần về hiện trạng và định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền là một trong 41 hợp phần được xây dựng đề tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia), Chính phủ nhận thấy nội dung định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu đất liền có tính chất quan trọng liên quan đến các cửa ngõ của quốc gia kết nối với các nước láng giềng và các hành lang kinh tế khu vực, điều này phù hợp với phạm vi của Quy hoạch tổng thể quốc gia (vấn đề kết nối quốc gia với khu vực, quốc tế. Mặt khác, theo quy định hiện hành, không có quy hoạch ngành quốc gia về hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền; do vậy, để làm cơ sở triển khai việc mở, nâng cấp các cửa khẩu quốc tế theo quan hệ hợp tác song phương giữa Việt Nam và nước láng giềng, Chính phủ kiến nghị giữ nội dung này trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.

- Về ý kiến đề nghị làm rõ thuật ngữ “dự án quan trọng của quốc gia” và “dự án quan trọng quốc gia”

Theo quy định của pháp luật về đầu tư công “Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

(1) Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

(2) Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường;

(3) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

(4) Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

(5) Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định”.

Theo đó, nếu sử dụng thuật ngữ “dự án quan trọng quốc gia” sẽ không thể hiện được hết các dự án quan trọng đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực ở tầm quốc gia. Ngoài ra, không thể xác định được chính xác nguồn vốn và sơ bộ tổng mức đầu tư tại thời điểm hiện nay để đưa vào danh mục dự án kèm theo Nghị quyết của Quốc hội; nguồn vốn và sơ bộ tổng mức đầu tư sẽ được xác định là giai đoạn báo cáo tiền khả thi. Do vậy, trong Quy hoạch đề xuất sử dụng thuật ngữ “dự án quan trọng của quốc gia” là các dự án tác động lớn đến việc thực hiện và đạt được mục tiêu phát triển của ngành, vùng và cả nước đã nêu trong Quy hoạch tổng thể quốc gia. Các dự án quan trọng của quốc gia được đề xuất trong Quy hoạch là các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội có quy mô lớn tầm chiến lược, quốc gia, liên vùng, gắn với hình thành và phát triển các hành lang kinh tế, vùng động lực quốc gia.

b) Đối với nội dung giải trình chi tiết các ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội: Chính phủ xin giải trình chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

II. Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Trên cơ sở Nội dung quy hoạch đã được tiếp thu, giải trình như trên, Chính phủ đã rà soát, điều chỉnh lại kết cấu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia, bao gồm 2 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Thông qua những nội dung chủ yếu của quy hoạch, bao gồm 15 nội dung theo quy định của luật quy hoạch, trong đó: bổ sung mục tên quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch; điều chỉnh thứ tự mục Tầm nhìn đến năm 2050 lên trước mục Mục tiêu phát triển; điều chỉnh tên mục Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh thành Quốc phòng, an ninh; điều chỉnh vị trí mục Định hướng sử dụng đất quốc gia về sau mục Quốc phòng, an ninh; đồng thời hoàn thiện các nội dung chính của quy hoạch trong Điều 1 của dự thảo Nghị quyết theo các nội dung đã tiếp thu, giải trình ý kiến Kết luận của UBTWQH.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện: Chính phủ đã rà soát bổ sung nội dung căn cứ Quy hoạch tổng thể quốc gia được Quốc hội thông qua để Chính phủ chỉ đạo triển khai tiếp các quy hoạch khác; cụ thể hóa việc phân cấp giao Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện quy hoạch (theo Luật Quy hoạch là Quốc hội phê duyệt Kế hoạch thực hiện quy hoạch), giao UBND tỉnh quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch (theo Luật Quy hoạch là Quốc hội quyết định chủ trương điều chỉnh); quy định lộ trình đề rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo ý kiến Kết luận của UBND tỉnh.

2. Nội dung chi tiết: Có dự thảo Nghị quyết kèm theo.

Trên đây là nội dung Báo cáo tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét./.

Nơi nhận:

- Quốc hội;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN;
- Lưu: VT, CN (3).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Đã ký)

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC

Tiếp thu, giải trình chi tiết Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội đối với hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Báo cáo số 508/BC-CP ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
I	Ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	
1	Kết cấu, bố cục của dự thảo Nghị quyết cần phải rà soát, chỉnh sửa bảo đảm phù hợp với quy định về kết cấu của Luật Quy hoạch, xác định phạm vi, ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia, vùng đất, vùng biển của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam, bổ sung tầm nhìn vào tên Điều 1 và sắp xếp tầm nhìn trước mục tiêu.	Chính phủ tiếp thu , rà soát, kết cấu lại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia theo thứ tự nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia được quy định tại Điều 22 Luật Quy hoạch; bổ sung mục tên quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch; điều chỉnh thứ tự mục Tầm nhìn đến năm 2050 lên trước mục Mục tiêu phát triển; điều chỉnh tên mục Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh thành Quốc phòng, an ninh; điều chỉnh vị trí mục Định hướng sử dụng đất quốc gia về sau mục Quốc phòng, an ninh.
2	Bổ sung quan điểm phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cần xem xét, điều chỉnh nội dung quan điểm về “phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế quan trọng của khu vực và quốc tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả” bảo đảm phù hợp với nội hàm quan điểm về tổ chức không gian phát triển	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vào quan điểm phát triển; điều chỉnh nội dung “phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế quan trọng của khu vực và quốc tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả” thành “Chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế trong khu vực và quốc tế”

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
3	Cân nhắc chỉ số phát triển con người; chỉ tiêu tốc độ tăng năng suất lao động; cân nhắc bổ sung các chỉ tiêu: phấn đấu đến năm 2030 ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; nghiên cứu bổ sung thêm chỉ tiêu về xanh hóa, phát triển các đô thị xanh theo hướng thông minh và bền vững; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 50%. 100% rác thải hữu cơ đô thị, 70% rác thải hữu cơ ở nông thôn được tái chế.	Chính phủ tiếp thu, bổ sung mục tiêu: Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm; có 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 50%; 100% rác thải hữu cơ đô thị, 70% rác thải hữu cơ ở nông thôn được tái chế. Về chỉ số phát triển con người, Chính phủ đã điều chỉnh trong tầm nhìn đến năm 2050: Chỉ số phát triển con người đạt mức rất cao (trên 0,8).
4	Về kết cấu hạ tầng cần nhấn mạnh phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin và hạ tầng số quốc gia; hoàn thành các công trình quan trọng quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng. Nghiên cứu, bổ sung phát triển hạ tầng cho kinh tế tuần hoàn, hạ tầng bảo vệ môi trường; tập trung xử lý môi trường, nhất là rác thải, nước thải; chú trọng đường sắt tốc độ cao Bắc -	Chính phủ tiếp thu và bổ sung nội dung vào dự thảo Nghị quyết.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	Nam và các vận tải đa phương thức khác	
5	Nghiên cứu quy định nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và đại học đạt trình độ tiên tiến khu vực ASEAN về các chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông và đại học.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung định hướng nâng cao chất lượng giáo dục vào Báo cáo Quy hoạch.
6	Rà soát, hoàn thiện định hướng phát triển các vùng động lực quốc gia, hành lang kinh tế, định hướng phát triển và phân bố không gian các ngành quan trọng để giải quyết hạn chế, bất cập của thời kỳ trước; phát huy hiệu quả của các hành lang kinh tế để phát triển các vùng động lực và liên kết vùng; phát triển có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của các ngành quan trọng; gắn kết giữa các ngành với các vùng động lực, hành lang kinh tế.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung vào trong báo cáo quy hoạch theo hướng việc đề xuất các vùng động lực, hành lang kinh tế là cụ thể hóa của quan điểm phát triển có trọng tâm, trọng điểm; trong Quy hoạch đã có định hướng gắn kết giữa các vùng động lực, hành lang kinh tế với các ngành quan trọng (tập trung bố trí tại vùng động lực và kết nối phát triển theo hành lang).
7	Về hành lang kinh tế quan trọng, việc chú trọng đến hành lang Đông - Tây là phù hợp; ưu tiên các hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Lào Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, Mộc Bài - Thành phố Chí Minh - Vũng Tàu, đồng thời trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn chế cần	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định 03 hành lang kinh tế ưu tiên, bao gồm hành lang kinh tế Bắc - Nam và 02 hành lang kinh tế Đông - Tây là Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Mộc Bài - Thành phố Chí Minh - Vũng Tàu gắn với 02 vùng động lực quốc gia quan trọng nhất là vùng động lực phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) và vùng động lực phía Nam (TP. Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa-Vũng Tàu). Đối với hành lang Lào Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, Quy hoạch tổng thể quốc gia

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	lựa chọn những đoạn, những tuyến quan trọng để ưu tiên nguồn lực đầu tư trước tại các hành lang kinh tế.	đang xác định việc phát triển hành lang này trong tầm nhìn dài hạn, sau năm 2030 với những lý do sau: + Khu vực Đà Nẵng hiện chưa có một cảng cửa ngõ tầm cỡ khu vực và quốc tế như hai cảng Lạch Huyện (Hải Phòng) và Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu) (2) Hạ tầng kết nối từ Lao Bảo đến Đà Nẵng và các cơ sở kinh tế đi kèm, đặc biệt đoạn Lao Bảo đến Đông Hà còn chưa phát triển đủ mức để trở thành hàng lang kinh tế ưu tiên của quốc gia đến năm 2030; (3) Vấn đề mặt bằng cho phát triển công nghiệp, đô thị quy mô lớn không thuận lợi như hai hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Mộc Bài - Thành phố Chí Minh - Vũng Tàu. Như vậy, tuyến hành lang Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng cần thời gian tích lũy thêm về hạ tầng, quy mô kinh tế, trình độ nguồn nhân lực... do vậy, Chính phủ kiến nghị chưa đưa tuyến này thành hành lang kinh tế ưu tiên phát triển trong giai đoạn đến năm 2030; điều này cũng thể hiện quan điểm phát triển có trọng tâm, trọng điểm của Quy hoạch tổng thể quốc gia.
8	Rà soát, hoàn thiện định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia; định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia; định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm các định hướng phát triển phù hợp, hiệu quả, khả thi và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.	Chính phủ tiếp thu, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội như sau: - Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực như: phát triển các khu công nghiệp sinh thái và giảm dần các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; phát triển nông nghiệp hiện đại, thông minh, các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, các vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ; bố trí không gian phát triển các vùng nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông thuận lợi để góp phần gắn kết giữa sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, các hành lang kết nối phát triển du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với phát triển các doanh nghiệp du lịch mang tầm khu vực và quốc tế. - Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia như: chú trọng quy hoạch, phát triển không gian ngầm đô thị

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
		gắn với phát triển đô thị tại các khu vực có kết nối liên hoàn các phương thức vận tải (mô hình TOD) tại các đô thị lớn; định hướng phát triển đô thị lan tỏa từ trục Cần Thơ - Mỹ Thuận - Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh tại vùng đô thị Cần Thơ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị gắn với khuyến khích phát triển không gian ngầm, nhằm khai thác có hiệu quả quỹ đất đô thị; bổ sung nội dung về phát triển nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). - Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia như: phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa gắn với các không gian văn hóa của đất nước; hình thành kinh tế thể thao chuyên nghiệp. - Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia như: phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin và hạ tầng số quốc gia; hoàn thành các công trình có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng; thực hiện các giải pháp để các công trình thủy lợi có thể chủ động lấy nước phục vụ sản xuất; phát triển hạ tầng cho kinh tế tuần hoàn, hạ tầng bảo vệ môi trường. - Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu như: khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất.
9	Nghiên cứu, bổ sung đánh giá thực trạng và đề xuất định hướng phát triển không gian biển, không gian ngầm dưới đất, dưới mặt nước, không gian kiến trúc cảnh quan từ trên cao; bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện định hướng phát triển và phân bố không gian các ngành quan trọng,	Chính phủ tiếp thu, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội như sau: - Rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia như: chú trọng quy hoạch, phát triển không gian ngầm đô thị gắn với phát triển đô thị tại các khu vực có kết nối liên hoàn các phương thức vận tải (mô hình TOD) tại các đô thị lớn. - Rà soát, bổ sung một số nội dung trong định hướng khai thác và sử dụng vùng trời như: quản lý giữ vững chủ quyền vùng trời lãnh thổ quốc gia theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; khai

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	định hướng phát triển không gian biển, định hướng sử dụng đất quốc gia, định hướng khai thác và sử dụng vùng trời	thác sử dụng vùng trời đảm bảo an toàn tuyệt đối và hiệu quả; việc khai thác và sử dụng vùng trời phải tính tới sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng an ninh; quản lý độ cao chương ngại vật hàng không nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho mọi hoạt động khai thác, sử dụng vùng trời của các tổ chức, cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật; việc cấp phép chiều cao xây dựng đối với các công trình trên mặt đất phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho mọi hoạt động bay, hoạt động bình thường của các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời và các đài, trạm vô tuyến điện hàng không tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.
10	Về du lịch tạo lập các trung tâm du lịch cấp quốc gia, cấp vùng, mối liên kết giữa các ngành, các thành phần kinh tế và các loại hình hoạt động du lịch; chú trọng cả về hạ tầng du lịch, môi trường du lịch, tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch và doanh nghiệp du lịch; chú ý xây dựng các hành lang di sản, các sản phẩm trong hành lang di sản.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung theo Kết luận vào dự thảo Nghị quyết.
11	Về định hướng phát triển công nghiệp, phân bố và không gian công nghiệp, bổ sung, nhấn mạnh thêm các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp và nông thôn; công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn là một khâu quan trọng, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp hỗ trợ... và bố trí không gian và có phương án xử lý	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung theo Kết luận vào dự thảo Nghị quyết.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	theo hướng là phát triển các khu công nghiệp sinh thái và giảm dần các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhà máy có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.	
12	Về nông nghiệp, nghiên cứu bổ sung định hướng về phát triển nông nghiệp hiện đại, thông minh, các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và các vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, bố trí không gian phát triển nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông để góp phần gắn kết giữa sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu; xác định rõ vai trò của các trung tâm phát triển nông nghiệp của cả nước gắn với sản phẩm chủ lực; về định hướng phát triển nông thôn nghiên cứu bổ sung thêm nội dung chủ trương, chính sách trong phát triển mỗi xã một sản phẩm	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung theo Kết luận vào dự thảo Nghị quyết, như: rà soát, bổ sung một số nội dung về định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực như: phát triển các khu công nghiệp sinh thái và giảm dần các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; phát triển nông nghiệp hiện đại, thông minh, các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, các vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ; bố trí không gian phát triển các vùng nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông thuận lợi để góp phần gắn kết giữa sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, các hành lang kết nối phát triển du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với phát triển các doanh nghiệp du lịch mang tầm khu vực và quốc tế. bổ sung nội dung về phát triển nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).
13	Về sử dụng đất quốc gia, đề nghị đề cập nội dung bố trí không gian và đất đai sau cùng để bảo đảm có đầy đủ các yêu cầu của định hướng phát triển quốc gia, trong đó có không gian kinh tế - xã hội, không gian biển, không gian phát triển vùng, liên kết vùng, hạ tầng đô thị nông thôn, hạ tầng xã hội,	Chính phủ tiếp thu , kết cấu lại dự thảo Nghị quyết, đưa mục Định hướng sử dụng đất quốc gia xuống sau cùng.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	các ngành hạ tầng kỹ thuật.	
14	Về khai thác, sử dụng vùng trời, đề nghị nghiên cứu thêm quan điểm về không gian, về chiều cao và chiều sâu trong sử dụng các công trình.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung yêu cầu về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho mọi hoạt động khai thác, sử dụng vùng trời
15	Về định hướng phát triển hạ tầng xã hội, đề nghị tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện để văn hóa thực sự trở thành trụ cột quan trọng trong chính sách phát triển của đất nước.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung trong định hướng phát triển văn hóa.
16	Về đô thị và nông thôn, lưu ý thực hiện chiến lược công nghiệp hóa và đô thị hóa tại chỗ để thích ứng với biến đổi khí hậu tại Vùng Đồng bằng sông Cửu Long với trọng điểm là hành lang Cần Thơ - Trung Lương - Mỹ Thuận - Thành phố Hồ Chí Minh để phát triển lan tỏa.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung trong định hướng phát triển vùng đô thị Cần Thơ
17	Chú trọng mô hình TOD vừa phát triển giao thông, vừa phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng và không gian ngầm, bố trí đất đai gắn với khai thác nguồn lực;	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung trong dự thảo Nghị quyết như sau: chú trọng quy hoạch, phát triển không gian ngầm đô thị gắn với phát triển đô thị tại các khu vực có kết nối liên hoàn các phương thức vận tải (mô hình TOD) tại các đô thị lớn
18	Về giải pháp phát triển nguồn nhân lực nên gắn kết với phân bố dân cư phù hợp; nghiên cứu thêm biện pháp thu hút và sử dụng hiệu quả trí tuệ,	Chính phủ tiếp thu , bổ sung một số nội dung trong các giải pháp về khai thác nguồn lực từ đầu giá đất; phát triển nguồn nhân lực hài hòa với định hướng phân bố dân cư; thu hút trí tuệ, nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài	
19	Đề nghị nghiên cứu cụ thể hóa hơn việc phân cấp, phân quyền trong điều chỉnh quy hoạch, quy định lộ trình, chu kỳ đề rà soát, điều chỉnh quy hoạch...	Chính phủ tiếp thu , điều chỉnh nội dung về tổ chức thực hiện trong dự thảo Nghị quyết.
II	Ý kiến tại Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội	
A.	<i>Đối với Báo cáo tổng hợp của Quy hoạch</i>	
1	Cần bổ sung một số nội dung đánh giá về hạn chế, yếu kém hiện nay liên quan đến lâm nghiệp, thủy sản, môi trường, tài nguyên.	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung đánh giá khái quát về các hạn chế trong các lĩnh vực.
2	Đề nghị làm rõ các nội dung đánh giá hiện trạng liên kết vùng; xem xét bổ sung đánh giá hạn chế về tính thiếu hiệu quả của một số cơ chế điều phối vùng hiện nay	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung đánh giá khái quát về liên kết vùng, điều phối vùng.
3	Đề nghị bổ sung phân tích các nội dung về môi trường biển; tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu đối với các vùng ven biển và đảo; sự liên kết giữa các ngành với nhau trong sử dụng không gian biển	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung phân tích về các vấn đề.
4	Đề nghị bổ sung đánh giá những vùng	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung một số nội dung, cập nhật số liệu về hiện

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	có tốc độ đô thị hóa cao; đánh giá thực trạng thoát nước, ngập úng đô thị; cập nhật một số số liệu hiện trạng.	trạng phát triển đô thị.
5	Đề nghị bổ sung phân tích thêm về liên kết phát triển giữa các ngành hạ tầng kỹ thuật, ví dụ: Hạ tầng thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung đánh giá khái quát.
6	Đề nghị làm rõ nguyên nhân của việc không thực hiện được một số chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia; đánh giá về tăng, giảm diện tích rừng	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung phân tích, đánh giá.
7	Đề nghị bổ sung thêm nội dung về chất thải nguy hại, nước thải và khí thải.	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung đánh giá khái quát.
8	Quan điểm phát triển tại Báo cáo Quy hoạch chưa cụ thể so với quan điểm phát triển đã được nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Trong khi, mục tiêu của Quy hoạch tổng thể quốc gia là phải cụ thể hóa được chiến lược về phân bố không gian.	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch đã nêu rõ 2 nhóm quan điểm gồm nhóm quan điểm phát triển (với 05 quan điểm) và nhóm quan điểm về tổ chức không gian phát triển (với 05 quan điểm).
9	Về quan điểm tổ chức không gian phát triển, cần nhấn mạnh đến “giảm chồng chéo, chồng lấn, xung đột trong sử dụng không gian giữa các ngành, các địa phương...”	Chính phủ giải trình như sau: Trong quan điểm về tổ chức không gian phát triển (1) đã nêu “Không gian phát triển quốc gia phải được tổ chức một cách hiệu quả, thống nhất trên quy mô toàn quốc, bảo đảm liên kết nội vùng, liên vùng và khai thác lợi thế so sánh từng vùng...” là tương đồng về nội hàm với “giảm chồng chéo, chồng lấn, xung đột...”
10	Đề nghị cần bổ sung nội dung về “tài	Chính phủ giải trình như sau: Nội dung quan điểm này đã bám sát theo Kết luận

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	nguyên biển” vào Quan điểm số (3) viết đầy đủ là: “(3) Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các loại khoáng sản. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của biển, kinh tế biển góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế của đất nước theo hướng xanh và bền vững...”	số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia. Chính phủ bổ sung nội dung về tài nguyên biển, kinh tế biển tại mục về phát triển không gian biển.
11	Đề nghị bổ sung vào mục tiêu tổng quát: Giữ ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh tài chính quốc gia	Chính phủ giải trình như sau: “Ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh tài chính quốc gia” là mục tiêu trong chỉ đạo điều hành, không phải là đối tượng của quy hoạch; nội dung của quy hoạch tập trung vào các mục tiêu gắn với bố trí không gian phát triển
12	Đề nghị cần nghiên cứu, tính toán thêm các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể tương ứng với từng giai đoạn phát triển 05 năm để làm căn cứ xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia	Chính phủ giải trình như sau: Việc phân kỳ các mục tiêu theo từng giai đoạn 05 năm, trong đó đến năm 2025 trên thực tế đã có trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; đặc biệt trong bối cảnh Quy hoạch dự kiến được quyết định trong năm 2023, việc phân kỳ các chỉ tiêu theo giai đoạn 05 năm là không thực sự bức thiết.
13	Đề nghị cần giải trình, làm rõ hơn cơ sở đưa ra mục tiêu tăng trưởng khác với mục tiêu cụ thể mà kịch bản 2 đưa ra	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia xây dựng 02 kịch bản: (1) Kịch bản thấp với dự báo tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 6,3%/năm cho cả giai đoạn 2021-2030, 6,5%/năm giai đoạn 2031-2050 (đạt ngưỡng thấp nhất là nước có thu nhập cao vào năm 2045); (2) Kịch bản phấn đấu với dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 7%/năm cho cả giai đoạn 2021-2030, tốc độ tăng trưởng đạt 7,2%/năm trong giai đoạn 2031-2050.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
		- Đối với giai đoạn 2021-2030: Theo Kịch bản 2 (kịch bản phần đầu), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 7,05%/năm. Trong khi đó, tại mục mục tiêu phát triển đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2021-2030 là 7%/năm. Sự khác biệt này là không lớn và nằm trong phạm vi biến động chấp nhận được khi tính đến thời kỳ quy hoạch tương đối dài (10 năm). - Đối với giai đoạn 2031-2050: Kịch bản 2 đưa ra mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2031-2050 có khả năng đạt 7,16%/năm. Trong khi đó, tại mục mục tiêu phát triển đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2031-2050 đạt khoảng 6,5-7,5%/năm để chủ động, linh hoạt trong quá trình thực hiện quy hoạch, vì đây là thời kỳ dài, có nhiều yếu tố bất định, khó lường (chiến tranh, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, công nghệ và mô hình kinh doanh mới...).
14	Đề nghị bổ sung chỉ tiêu về tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20% để có định hướng dịch chuyển cơ cấu lao động	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung chỉ tiêu về tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội.
15	Đề nghị nghiên cứu đánh giá tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý theo quy định đối với vùng nông thôn.	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung đánh giá về lĩnh vực này như: Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm; có 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 50%; 100% rác thải hữu cơ đô thị, 70% rác thải hữu cơ ở nông thôn được tái chế.
16	Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu về cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP đến năm 2030 giảm ít nhất 15% so với năm 2014 thành giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính	Chính phủ giải trình như sau: Chỉ tiêu cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP đến năm 2030 giảm ít nhất 15% so với năm 2014 đã được nêu trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đặt mục tiêu giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
		thông thường (kịch bản không có hành động chủ đích để giảm nhẹ phát thải). Tại Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu trong khuôn khổ COP26, Thủ tướng Chính phủ đã công bố những cam kết của Việt Nam trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó nổi bật là mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (trong điều kiện có sự hợp tác và hỗ trợ về tài chính và chuyển giao công nghệ của cộng đồng quốc tế). Nhìn chung, các mục tiêu, chỉ tiêu của Việt Nam đưa ra về thích ứng với biến đổi khí hậu có xu hướng ngày càng nâng cao. Do vậy, trong Quy hoạch tổng thể quốc gia không xác định các chỉ tiêu cụ thể mà đưa ra mục tiêu chung mang tính định hướng, cụ thể là “Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực, tạo nền tảng để phấn đấu đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của quốc gia”.
17	Đề nghị cân nhắc bổ sung chỉ tiêu tỷ lệ thất nghiệp	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung chỉ tiêu về tỷ lệ thất nghiệp thống nhất với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là “giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức hợp lý”.
18	Đề nghị cân nhắc bổ sung chỉ tiêu về logistics/GDP, tỷ lệ đất dành cho cây xanh, đất dành theo giao thông	Chính phủ giải trình như sau: Tại trang 460 của báo cáo quy hoạch đã xác định chỉ tiêu đất cây xanh bình quân tại khu vực đô thị đạt 8-10 m ² /người, tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt 16-26%. Tại trang 496 của Báo cáo đã nêu mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ chi phí logistics so với GDP tương đương với nhóm các nước dẫn đầu trong khối ASEAN.
19	Đề nghị rà soát chỉ tiêu độ che phủ rừng để thống nhất với chỉ tiêu đã đề ra trong Văn kiện Đại hội Đảng	Chính phủ tiếp thu , điều chỉnh chỉ tiêu này theo đúng chỉ tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.
20	Rà soát chỉ tiêu về diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển để bảo đảm thống nhất với chỉ tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển bền vững kinh	Chính phủ giải trình như sau: Mục tiêu “diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia” trong Quy hoạch tổng thể quốc gia là phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030 và có tính khả thi cao hơn, phù hợp với thực trạng hiện nay.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	tế biển Việt Nam	
21	Cần nghiên cứu, tính toán lại tỷ lệ đô thị hóa đạt 70-75% đề ra trong Tầm nhìn đến năm 2050	Chính phủ giải trình như sau: Chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 khoảng 70-75% tương ứng với các nước phát triển và tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế 6,5-7,5% trong giai đoạn đến năm 2050.
22	Bổ sung nội dung liên quan đến "thích ứng tốt với biến đổi khí hậu và nước biển dâng" cũng như "đạt mức phát thải ròng bằng "0" như cam kết tại COP 26" trong Tầm nhìn đến năm 2050	Chính phủ tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung này vào Tầm nhìn đến năm 2050 của Quy hoạch.
23	Đề nghị giải trình, làm rõ thêm cơ sở xác định tốc độ tăng trưởng kinh tế các vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng cao hơn so với tốc độ phát triển trung bình chung của quốc gia, trong khi quy mô kinh tế các vùng này ở mức cao hơn nhiều so với bình quân chung.	Chính phủ giải trình như sau: Mục tiêu tăng trưởng của vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng của Quy hoạch tổng thể quốc gia đã phù hợp với Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, các mục tiêu này cũng thể hiện định hướng tập trung nguồn lực cho 2 vùng động lực để phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư, bảo đảm vai trò đầu tàu, dẫn dắt sự phát triển của quốc gia.
24	Trong phân vùng trọng điểm đầu tư, vùng khuyến khích phát triển: Báo cáo chưa đưa ra được tiêu chí phân vùng cũng như mục tiêu phân vùng là để giải quyết tồn tại, hạn chế nào của thời kỳ trước	Chính phủ giải trình như sau: Quy hoạch tổng thể quốc gia đề xuất lựa chọn các vùng động lực có điều kiện thuận lợi nhất tại các vùng kinh tế trọng điểm và gắn với cực tăng trưởng là 4 đô thị lớn.
25	Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột cũng đã được Quốc	Chính phủ giải trình như sau: Hiện nay, khu vực hành lang 2 bên khu vực Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột địa hình phức tạp, kinh tế chưa phát triển. Định hướng phát

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	hội thông qua với mục tiêu hình thành trục ngang kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng, tuy nhiên lại không được xác định là một hành lang kinh tế	triển hành lang này thành hành lang kinh tế của quốc gia sẽ được nghiên cứu khi có điều kiện phù hợp.
26	Một số khu vực, địa phương đang trên đà phát triển và tăng trưởng mạnh, đã được xác định trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội nhưng chưa đưa vào vùng trọng tâm trong quy hoạch, như: vùng Thanh Hóa - Nghệ An (cực tăng trưởng, kinh tế trọng điểm khu vực Bắc Trung bộ); Thái Nguyên - Bắc Giang, nằm trong vùng Thủ đô (một cực tăng trưởng mạnh) hay hành lang kinh tế Đông Bắc, theo tuyến Hà Nội - Bắc Giang - Thái Nguyên - Lạng Sơn.	Chính phủ giải trình như sau: Tại nội dung về định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung đã có định hướng “Xây dựng khu vực ven biển ba tỉnh Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm phát triển công nghiệp của vùng và cả nước”. Tại nội dung về định hướng phát triển vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã có định hướng “Nghiên cứu xây dựng vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ trở thành vùng động lực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc”.
27	Đề nghị đánh giá về mốc thời gian mở rộng vùng động lực ra các địa bàn khác gần với cảng nước sâu Trần Đề để tránh làm mất đi cơ hội phát triển vùng đồng bằng, khai thác hiệu quả tuyến cao tốc An Giang - Cần Thơ -	Chính phủ tiếp thu ý kiến, điều chỉnh định hướng mở rộng vùng động lực phù hợp với việc xây dựng cảng nước sâu Trần Đề.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	Sóc Trăng đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
28	Đề nghị rà soát để bao quát các hiện tượng sạt lở bờ sông, bờ biển; bao gồm cả các vùng ven sông, ven biển có nguy cơ xảy ra sạt lở.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung phạm vi vùng hạn chế phát triển bao gồm cả khu vực ven sông, ven biển có nguy cơ xảy ra sạt lở.
29	Nội dung định hướng phát triển các ngành mới chỉ phân tích các định hướng trong nội bộ ngành mà chưa có được định hướng liên kết ngành.	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch đã xác định một số các yêu cầu, định hướng khái quát về liên kết giữa các ngành như nông nghiệp với công nghiệp chế biến, nông nghiệp kết hợp với du lịch, hạ tầng thủy lợi với nông nghiệp... Về mặt không gian, định hướng chung về liên kết được thể hiện ở nội dung: các ngành hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tập trung cho các vùng động lực, hành lang kinh tế và thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các địa bàn đó.
30	Việc lựa chọn các ngành công nghiệp ưu tiên hiện tại còn dàn trải, chưa thể hiện được định hướng ưu tiên.	Chính phủ giải trình như sau: Quy hoạch xác định 3 nhóm ngành ưu tiên là công nghiệp nền tảng, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ số.
31	Đề nghị cập nhật định hướng Nghị quyết về công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Chính phủ tiếp thu ý kiến, rà soát, cập nhật các nội dung theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước đến năm 2030
32	Về phát triển ngành du lịch: cần xem xét bổ sung định hướng phát triển hệ thống các khu du lịch quốc gia	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch đã đề ra định hướng chung là phát triển các khu du lịch quốc gia; việc xác định cụ thể các khu du lịch quốc gia sẽ được thực hiện trong quy hoạch ngành là Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia.
33	Bổ sung nội dung số hóa, công nghiệp hóa trong khai thác thủy sản, lâm nghiệp, áp dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với biến đổi khí hậu vào phát triển ngành lâm nghiệp, thủy sản và trong	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	thực hiện định hướng Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển	
34	Báo cáo chưa có đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển lĩnh vực tài chính ngân hàng, thị trường tài chính, thị trường tiền tệ	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung này. Trong Báo cáo hiện đã đánh giá về hạn chế của lĩnh vực này gắn với không gian phát triển là chưa hình thành được các trung tâm tài chính lớn tầm khu vực, quốc tế.
35	Đề nghị làm rõ phạm vi không gian biển; đề xuất định hướng cụ thể hơn việc sử dụng không gian biển cho các ngành, lĩnh vực; định hướng cụ thể hơn việc phát triển các khu đô thị ven biển, đô thị đảo; kinh tế đảo gắn với an ninh, quốc phòng	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định các định hướng lớn về phát triển không gian biển như về phạm vi, phát triển các cụm ngành kinh tế biển theo các vùng biển và ven biển, định hướng đối với các đảo. Các nội dung chi tiết hơn sẽ được làm rõ trong Quy hoạch không gian biển quốc gia.
36	Đề nghị làm rõ sự liên kết giữa các ngành cùng sử dụng không gian biển	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung các nội dung mang tính nguyên tắc, định hướng cho việc sử dụng không gian biển của các ngành, lĩnh vực.
	Đề nghị bổ sung định hướng phân bố không gian cho hoạt động nhận chìm vật chất trên biển	Chính phủ giải trình như sau: Vấn đề này sẽ được làm rõ trong Quy hoạch không gian biển quốc gia.
37	Nghiên cứu bổ sung quy hoạch phát triển các cụm kinh tế đa lĩnh vực ngoài khơi bao gồm điện gió, nuôi biển, quan trắc khí tượng thủy văn, môi trường, viễn thông; quy mô và địa điểm cụ thể sẽ xác định cụ thể phù hợp với điều kiện khí hậu thủy văn và môi trường ở mỗi khu vực ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong định hướng phát triển không gian biển.
38	Đề nghị bổ sung nguyên tắc định	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nguyên tắc này trong định hướng sử dụng

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	hướng sử dụng đất là “Việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất, tránh lãng phí trong phân bổ, quản lý và sử dụng đất” theo yêu cầu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao".	đất quốc gia.
39	Việc phân vùng kinh tế - xã hội mang tính kế thừa lịch sử, chưa tạo điều kiện để xây dựng mối liên kết vùng, có vùng quy mô quá lớn, có vùng kéo dài từ Bắc đến Nam, điển hình là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung gồm 14 tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận hơn 1.000 km, rất khó hợp tác kinh tế, xây dựng không gian phát triển phù hợp. Do vậy, trong tương lai cần nghiên cứu, rà soát lại phân vùng bảo đảm phù hợp hơn.	Chính phủ giải trình như sau: Kết luận số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định tổ chức không gian phát triển vùng theo 06 vùng kinh tế - xã hội hiện nay. Đối với một số vùng có quy mô diện tích lớn, khoảng cách giữa các địa phương quá dài, Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định định hướng chia thành các tiểu vùng trong quá trình tổ chức lập quy hoạch vùng.
40	Đối với các vùng định hướng cần chia thành các tiểu vùng trong quá trình tổ chức lập quy hoạch vùng. Tuy nhiên,	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia xác định định hướng phân các vùng thành các tiểu vùng; các nội dung chi tiết, cụ thể của phương án phân theo tiểu vùng sẽ do các quy hoạch vùng thực hiện.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	nội dung Báo cáo chưa đề cập tới việc phương án phân vùng nêu trên có những khó khăn gì và việc phân thành các tiểu vùng như vậy sẽ khắc phục được những hạn chế, khó khăn của định hướng phân vùng như thế nào. Do đó, đề nghị bổ sung làm rõ.	
41	Đề nghị làm rõ cấu trúc không gian của một vùng kinh tế - xã hội, tương ứng là khái niệm: (i) các tiểu vùng; (ii) trung tâm vùng; (iii) các địa bàn động lực; (iv) các cực tăng trưởng; (v) các hành lang kinh tế vùng (liên vùng).	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định định hướng lớn về phát triển vùng; các nội dung cụ thể hơn sẽ được làm rõ tại các quy hoạch vùng.
42	Cần đề xuất thể chế vùng, mô hình và cơ chế điều phối vùng để bảo đảm việc phân vùng kinh tế - xã hội thực sự có ý nghĩa và đi vào thực chất.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung một số yêu cầu, định hướng chung về điều phối liên kết vùng; các nội dung cụ thể sẽ thực hiện theo các đề án riêng.
43	Đề nghị lưu ý trong định hướng phát triển hệ thống đô thị các vấn đề sau đây: (1) Việc phát triển hệ thống đô thị, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa phải phù hợp với quy hoạch. Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị phải có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ và hiện đại, lấy con người và chất lượng cuộc sống làm trung tâm, văn hóa và văn minh đô thị làm nền tảng phát triển; kết hợp	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung các nội dung vào định hướng phát triển hệ thống đô thị.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	hài hòa giữa quá trình đô thị hóa, phát triển đô thị với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới. (2) Việc phát triển hệ thống đô thị phải gắn với việc bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng đô thị theo hướng phát triển đô thị bền vững, đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. (3) Việc phát triển hệ thống đô thị phải bảo đảm nâng cao chất lượng sống của người dân tại đô thị ở mức cao, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho dân cư đô thị.	
44	Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá đối với định hướng phân bố các vùng đô thị lớn và mối liên kết giữa các vùng đô thị lớn trong toàn quốc, làm rõ các cơ sở định hướng phân vùng trọng điểm đầu tư, vùng khuyến khích phát triển.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung trong Báo cáo.
45	Đề nghị bổ sung định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật khung cho các vùng đô thị lớn	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia đã nêu định hướng chung về hạ tầng đô thị; các nội dung chi tiết, cụ thể sẽ được làm rõ trong quy hoạch các đô thị.
46	Đề nghị quan tâm đến việc phát triển và tạo không gian phát triển kinh tế thể thao, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thể thao để giảm bớt	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội hàm về phát triển kinh tế thể thao vào định hướng của lĩnh vực.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	việc sử dụng ngân sách nhà nước như hiện nay	
47	Đề nghị nhấn mạnh định hướng phát triển văn hóa trở thành ngành công nghiệp.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, nhấn mạnh, làm rõ hơn yêu cầu này đối với định hướng phát triển lĩnh vực văn hóa.
48	Đề nghị chú ý định hướng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa gắn với du lịch tại các trung tâm du lịch và các điểm đến du lịch tầm quốc gia.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong định hướng phát triển lĩnh vực văn hóa.
49	Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập liên quan đến các lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số để phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung định hướng khái quát về nội dung này trong báo cáo Quy hoạch.
50	Đề nghị quan tâm vấn đề cân đối phát triển giáo dục đại học công lập với giáo dục đại học tư thực; quy hoạch đồng bộ giữa hệ thống đại học vùng, các trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và trường đại học địa phương.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong định hướng phát triển các trường đại học.
51	Các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng về cơ sở trợ giúp xã hội trọng điểm vùng được đầu tư xây dựng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 chưa thể hiện được mức độ bao phủ của mạng lưới các cơ	- Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong định hướng phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội. - Chính phủ giải trình về chỉ tiêu định hướng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập như sau: Trong Quy hoạch đã đề xuất mục tiêu “80% trẻ em từ sơ

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	sở trợ giúp xã hội; tương tự đối với mục tiêu, chỉ tiêu phát triển hệ thống giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; đề nghị bổ sung.	sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật, được can thiệp giáo dục sớm phù hợp với các dạng khuyết tật; 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục”.
52	Việc đặt ra mục tiêu đạt 35 giường bệnh viện và 19 bác sĩ trên 1 vạn dân là chưa phù hợp, khó khả thi so với mục tiêu được đề ra tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới (32 giường bệnh, 11 bác sĩ)	Chính phủ giải trình như sau: - Về kết quả thực hiện: Chỉ tiêu "Số bác sĩ trên 10.000 dân": năm 2020 là 9,81; năm 2021 là 11,1 bác sĩ; Chỉ tiêu "Số giường bệnh trên 10.000 dân": năm 2020 là 30,73; năm 2021: số liệu thống kê sơ bộ là khoảng 31. - Chỉ tiêu số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm 2030 đạt 35 giường bệnh là khả thi (năm 2021 đã đạt 31 giường bệnh). - Chỉ tiêu số bác sĩ trên 1 vạn dân đến năm 2030 đạt 19 bác sĩ cũng khả thi nếu tính đến năng lực đào tạo bác sĩ trên cả nước hiện tại vào khoảng 12.000 bác sĩ tốt nghiệp/năm và tính cả tỷ lệ hao hụt số lượng bác sĩ qua mỗi năm (do nghỉ hưu, chuyển việc...).
	Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung chủ trương, định hướng về chính sách xã hội, về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân và công tác dân số trong bối cảnh, tình hình mới.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong mục về giải pháp thực hiện Quy hoạch.
53	Đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung nội dung về quy hoạch phát triển về dược liệu và công nghiệp dược	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung định hướng phát triển về dược liệu và công nghiệp dược.
54	Đề nghị bổ sung các dự báo về nhu cầu vận tải của các hành lang kinh tế	Chính phủ giải trình như sau: Nội dung dự báo nhu cầu vận tải của các hành lang kinh tế đã được trình bày chi tiết trong hợp phần quy hoạch “Dự báo nhu cầu vận

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	để làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển các lĩnh vực giao thông tại các hành lang này.	tải và phương hướng phân bổ cho các phương thức vận tải quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” và là một cơ sở để đề xuất các hành lang kinh tế trong Quy hoạch tổng thể quốc gia.
55	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung những mục tiêu, chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông mang tính khái quát, khoa học phù hợp định hướng phát triển của một nước phát triển, làm cơ sở triển khai các quy hoạch ngành quốc gia	Chính phủ giải trình như sau: Các chỉ tiêu chi tiết hơn được nêu trong báo cáo hợp phần; trong Quy hoạch tổng thể quốc gia lựa chọn một số chỉ tiêu mang tính khái quát như: Định hướng thị phần giữa các phương thức vận tải; tỷ lệ chi phí logistics so với GDP; tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng tại các đô thị lớn.
56	Đề nghị xem xét bổ sung thêm 01 trung tâm cho Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ ngoài định hướng quy hoạch 03 trung tâm vùng do Cục Bưu điện Trung ương quản lý tại miền Bắc (Hà Nội), miền trung (Đà Nẵng) và miền Nam (thành phố Hồ Chí Minh).	Chính phủ giải trình như sau: Đây là nội dung về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (mạng bưu chính KT1), đã định hình về cấu trúc theo Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. Do vậy, Chính phủ đề nghị giữ như dự thảo, đồng thời nêu rõ đây là 03 trung tâm miền của mạng bưu chính KT1.
57	Đề nghị quan tâm đến vấn đề hạ thấp mực nước sông trong mùa kiệt, làm cho tất cả các sông nội địa và các hệ thống công trình thủy lợi không lấy được nước, dẫn đến ô nhiễm môi trường trong hệ thống sông nội địa và hệ thống kênh rất nghiêm trọng tại vùng Đồng bằng sông Hồng; vấn đề ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, nhấn mạnh hơn vấn đề này trong Quy hoạch.
58	Đề nghị bổ sung hai chương trình vào	Chính phủ giải trình như sau: Trong danh mục chương trình, dự án quan trọng của

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	danh mục chương trình, dự án quan trọng của quốc gia: (1) Chương trình chống ngập lụt và chủ động sống chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long; (2) Chương trình nâng cao mực nước sông Hồng.	quốc gia trong Quy hoạch đã có 02 chương trình về thủy lợi là (1) Các hồ chứa lớn, công trình điều tiết, liên kết, kết nối nguồn nước khu vực Đồng bằng sông Hồng, miền Trung, Tây Nguyên và (2) Hệ thống hồ và các công trình điều tiết, bổ sung nguồn nước, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, ngọt cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hai chương trình này đã có nội hàm bao trùm hai chương trình được đề nghị bổ sung.
59	Có ý kiến cho rằng hệ thống thủy lợi và công trình phòng, chống thiên tai mới chú trọng đến nước cho nông nghiệp, sau đó là nước cho sinh hoạt, chưa đề cập đến nước cho công nghiệp; cần đưa ra các phương án nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt xâm nhập mặn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và các vùng cửa sông ven biển.	- Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung định hướng chung về phương án hạ tầng thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn trong Quy hoạch. - Riêng về định hướng nước cho công nghiệp, Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch đã nêu định hướng về việc bảo đảm tạo nguồn cho đô thị, công nghiệp và xây dựng các công trình lấy nước từ hệ thống công trình thủy lợi cấp cho công nghiệp, đô thị; các nội dung cụ thể hơn sẽ được làm rõ trong các quy hoạch cấp dưới, đặc biệt là các quy hoạch xây dựng..
60	Đề nghị rà soát lại một số nội dung trong mục về định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy để phù hợp hơn với phạm vi, nội hàm của Quy hoạch tổng thể quốc gia.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, rà soát, điều chỉnh lại cách thể hiện nội dung này trong Quy hoạch.
61	Về khu kinh tế ven biển: hiện tại có 18 khu kinh tế ven biển nhưng hầu hết phát triển với hiệu quả không cao do nguồn lực đầu tư cho hạ tầng còn hạn chế. Do đó, giai đoạn từ nay đến năm	Chính phủ giải trình như sau: Các khu kinh tế được ưu tiên đầu tư nếu thuộc vùng động lực, các hành lang kinh tế ưu tiên. Định hướng phát triển cho từng khu kinh tế sẽ được xác định, làm rõ trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh để phù hợp với phạm vi nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	2030 cần phải xác định rõ định hướng phát triển đối với 08 khu kinh tế ven biển đã được ưu tiên đầu tư phát triển trong giai đoạn trước có còn được tiếp tục ưu tiên hay không.	
62	Có ý kiến cho rằng, công tác quy hoạch, xây dựng hạ tầng, nhà cửa ở một số địa phương chưa gắn với phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quy hoạch, quản lý, điều hành một số dự án thủy điện chưa tốt, ảnh hưởng xấu tới môi trường, phòng, chống lũ lụt, nguồn nước, sản xuất và đời sống của người dân.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung định hướng để giải quyết các tồn tại đã nêu.
63	Về nội dung sử dụng tài nguyên nước trong mùa khô cần được bổ sung và nêu cụ thể trong định hướng.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung định hướng chung cho lĩnh vực này.
64	Về mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước có nêu “bảo đảm khai thác không vượt quá giới hạn...”. Đề nghị bổ sung con số cụ thể về ngưỡng.	Chính phủ giải trình như sau: Những số liệu chi tiết, cụ thể mang tính chuyên ngành sẽ được làm rõ trong quy hoạch ngành.
65	Đề nghị rà soát các nội dung về định hướng điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản công nghiệp và khoáng sản làm vật liệu xây dựng, để bảo đảm phù hợp	Chính phủ tiếp thu ý kiến, rà soát lại một số nội dung trong Quy hoạch.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	với các quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	
66	Về định hướng bảo vệ môi trường: đề nghị rà soát, làm nổi bật hơn về kết quả phân vùng môi trường. Bên cạnh đó, theo Báo cáo, “các loại” vùng môi trường được phân chia theo quy định pháp luật hiện hành nhưng chưa nêu rõ được kết quả phân vùng cụ thể: gồm bao nhiêu vùng, tiểu vùng. Do đó, đề nghị cần bổ sung, làm rõ trong Phụ lục kèm theo.	- Chính phủ tiếp thu ý kiến, đã làm rõ định hướng phân vùng môi trường là xác lập được các vùng môi trường thành <i>vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác</i> thống nhất trên phạm vi toàn quốc theo yêu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường để quản lý và bảo vệ môi trường hiệu quả, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, ngăn chặn suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của ô nhiễm đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. - Chính phủ giải trình thêm như sau: Quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ đưa ra định hướng phân vùng, cụ thể chi tiết được xác định trong Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia.
67	Báo cáo mới chỉ nêu ra các nội dung liên quan đến chất thải rắn và nước thải, cần bổ sung định hướng quản lý khí thải.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung định hướng về “Quản lý và kiểm soát khí thải” tại mục 2.4. Định hướng quản lý chất thải cấp quốc gia
68	Về quản lý chất thải rắn: bổ sung dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh theo các thời kỳ quy hoạch làm cơ sở định hướng quản lý cho các loại chất thải rắn, đặc biệt là xử lý chất thải rắn nguy hại nên xem xét theo hướng liên	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung các nội dung: - Dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh theo các thành phần như chất thải rắn sinh hoạt chất thải rắn công nghiệp. - Làm rõ việc ưu tiên xây dựng các cơ sở xử lý chất thải nguy hại liên vùng, liên tỉnh; công nghệ xử lý.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	vùng sẽ hiệu quả hơn; bổ sung định hướng quản lý các loại chất thải rắn (phân vùng, công nghệ xử lý...);	
69	- Quản lý nước thải: bổ sung dự báo tổng lượng nước thải phát sinh theo các thời kỳ quy hoạch làm cơ sở định hướng quản lý các loại nước thải.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung dự báo tổng lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động công nghiệp, sinh hoạt, nông nghiệp, du lịch, y tế... của cả nước
70	Báo cáo đã đề cập đến kịch bản biến đổi khí hậu và các khu vực dễ bị tổn thương do nước biển dâng, nguy cơ ngập, xâm nhập mặn. Đây là các yếu tố diễn ra từ từ dưới tác động của biến đổi khí hậu, ít ảnh hưởng trong giai đoạn ngắn hạn. Trong khi đó, yếu tố quan trọng của biến đổi khí hậu có tác động mạnh đó là khí hậu cực đoan và thiên tai. Do đó, đề nghị cần quan tâm đến vấn đề này	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch đã có định hướng về phân vùng rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các định hướng chi tiết sẽ được cụ thể hóa trong các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch phòng, chống thiên tai.
71	Đề nghị làm rõ cơ sở, nguyên tắc, phương án xây dựng danh mục các chương trình, dự án quan trọng của quốc gia, xác định rõ thuật ngữ “ <i>chương trình, dự án quan trọng của quốc gia</i> ” và “ <i>dự án quan trọng quốc gia</i> ”. Cần cân nhắc thận trọng, rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm các dự án này đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, là các dự án cần trình	Chính phủ giải trình như sau: Theo quy định của pháp luật về đầu tư công “Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí dưới đây: (1) Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên; (2) Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường; (3) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	Quốc hội xem xét quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật PPP và pháp luật khác có liên quan.	trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên; (4) Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác; (5) Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định”. Theo đó, nếu sử dụng thuật ngữ “dự án quan trọng quốc gia” sẽ không thể hiện được hết các dự án quan trọng đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực ở tầm quốc gia. Ngoài ra, không thể xác định được chính xác nguồn vốn và sơ bộ tổng mức đầu tư tại thời điểm hiện nay để đưa vào danh mục dự án kèm theo Nghị quyết của Quốc hội; nguồn vốn và sơ bộ tổng mức đầu tư sẽ được xác định là giai đoạn báo cáo tiền khả thi. Do vậy, trong Quy hoạch đề xuất sử dụng thuật ngữ “dự án quan trọng của quốc gia” là các dự án tác động lớn đến việc thực hiện và đạt được mục tiêu phát triển của ngành, vùng và cả nước đã nêu trong Quy hoạch tổng thể quốc gia. Các dự án quan trọng của quốc gia được đề xuất trong Quy hoạch là các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội có quy mô lớn tầm chiến lược, quốc gia, liên vùng, gắn với hình thành và phát triển các hành lang kinh tế, vùng động lực quốc gia.
72	Việc Quy hoạch tổng thể quốc gia đề xuất 32 chương trình, dự án còn lại thực hiện theo cả 02 giai đoạn 2021-2030 và sau năm 2030 sẽ không bảo đảm được việc phân kỳ đầu tư để thực hiện dự án	- Chính phủ tiếp thu ý kiến và đã phân kỳ rõ hơn đối với một số dự án trong danh mục - Ngoài ra, Chính phủ giải trình thêm như sau: + Danh mục dự án quan trọng của quốc gia xác định trong quy hoạch chỉ mang tính dự kiến, có thể được xem xét điều chỉnh, bổ sung trong quá trình quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, nhu cầu sử dụng đất của từng dự án cụ thể sẽ được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư dự án.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
		+ Theo Kết luận số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia, việc phân kỳ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng của quốc gia do cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu và khả năng nguồn lực.
73	Cần xác định rõ thuật ngữ “chương trình, dự án quan trọng của quốc gia” hay “dự án quan trọng quốc gia” để bảo đảm tính chặt chẽ theo quy định của pháp luật	Chính phủ tiếp thu ý kiến và đã rà soát, điều chỉnh danh mục trở thành “Danh mục dự án quan trọng của quốc gia”.
74	Cần tiếp tục quán triệt sâu sắc và nghiên cứu cụ thể hóa Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đối với các nội dung về giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia	Chính phủ tiếp thu ý kiến, rà soát các nội dung theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị.
75	Đối với vốn đầu tư từ NSNN: theo Báo cáo “Vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước cần huy động khoảng 9,7 triệu tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2030, chiếm khoảng 20% tổng vốn đầu tư”. Trong khi đó, nguồn lực dành cho đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội quyết định là 2,87 triệu tỷ đồng. Đề nghị cân nhắc, tính toán kỹ về	Chính phủ giải trình như sau: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tính toán kỹ về khả năng huy động nguồn lực, cụ thể dự kiến vốn đầu tư công thời kỳ 2021-2030 là 6,78 triệu tỷ đồng (giai đoạn 2021-2025 là 3,05 triệu tỷ đồng, bao gồm 2,87 triệu tỷ đồng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hơn 176 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giai đoạn 2026-2030 là 3,73 triệu tỷ đồng), vốn của các doanh nghiệp nhà nước và nguồn vốn khác thời kỳ 2021-2030 là 2,88 triệu tỷ đồng.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	định hướng khả năng thu NSNN, mức bội chi và nợ công trong giai đoạn tương ứng, từ đó xác định nguồn lực NSNN dành cho đầu tư phát triển hợp lý, sát với thực tế hơn và gắn chặt với an ninh tài chính quốc gia	
76	Đề nghị bổ sung nội dung về tăng cường nguồn thu từ “đầu giá đất thuộc quy hoạch” chứ không chỉ dừng ở “đất đô thị ở các đô thị lớn”; nguồn lực này dành để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong Quy hoạch.
77	Đề nghị bổ sung giải pháp tập trung xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ, kém hiệu quả; xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản; có phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, cơ cấu lại nợ, xử lý nợ xấu của các dự án BOT, BT giao thông;	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong Quy hoạch.
78	Đề bổ sung các nội dung cụ thể đối với việc duy trì, quản lý theo hệ thống phân vùng môi trường, bảo vệ môi trường biển, trong đó có nội dung kiểm soát chất lượng môi trường nước biển, ngăn ngừa sự cố môi trường, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường vùng biển ven bờ gần các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển;	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong Quy hoạch.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	đánh giá tác động tích lũy vùng biển ven bờ có các dự án cảng biển lớn, khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và các khu vực phát triển điện gió, điện thủy triều...	
79	Đề nghị bổ sung giải pháp thực hiện tốt các Hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên để phát huy tối đa lợi ích mà các FTA mang lại.	Chính phủ tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung này trong Quy hoạch.
80	Khoản 2 Điều 22 của Luật Quy hoạch cũng không quy định nội dung về định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia; đề nghị làm rõ có đưa nội dung này trong Nghị quyết của Quốc hội không.	Chính phủ giải trình như sau: Nội dung định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu đất liền có tính chất quan trọng liên quan đến các cửa ngõ của quốc gia kết nối với các nước láng giềng và các hành lang kinh tế khu vực. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, không có quy hoạch ngành về hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền. Việc thể hiện nội dung này vừa cần thiết vừa phù hợp với phạm vi của Quy hoạch tổng thể quốc gia (vấn đề kết nối quốc gia với khu vực, quốc tế). Do vậy, Chính phủ kiến nghị giữ nội dung này trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội xem xét, quyết định.
81	Trong giai đoạn 2021-2030, cần xác định rõ tiêu chí tập trung phát triển, nâng cấp những cửa khẩu có triển vọng nhất nhằm định hướng thu hút đầu tư hạ tầng cho các cửa khẩu được quy hoạch, tránh tình trạng đầu tư dàn trải.	Chính phủ giải trình như sau: Trong Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định rõ quan điểm về phát triển hệ thống cửa khẩu là “Phân bố hợp lý, có trọng điểm, tương thích với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh vùng biên hai nước”.
B.	<i>Đối với Báo cáo Đánh giá môi</i>	

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	<i>trường Chiến lược của Quy hoạch (ĐMC)</i>	
1	Báo cáo ĐMC đã tổng hợp các vấn đề cần quan tâm về bảo vệ môi trường, kiến nghị phương hướng và giải pháp khắc phục và đưa ra kết luận chung về sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Báo cáo ĐMC đã nêu khá chi tiết những vấn đề còn không chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC. Tuy nhiên, cần nêu những hạn chế khác như ĐMC chưa định lượng hết lượng phát thải từ các hoạt động đã được nêu trong phương án phát triển của Quy hoạch dẫn đến các phương pháp định tính chưa phát huy hết hiệu quả	Chính phủ tiếp thu và đã bổ sung nội dung: “Báo cáo ĐMC chưa định lượng hết lượng phát thải từ các hoạt động đã được nêu trong phương án phát triển của Quy hoạch dẫn đến các phương pháp định tính chưa phát huy hết hiệu quả và làm mức độ chi tiết, tin cậy của các dự báo giảm đi đáng kể” tại mục 3.5.2. Một số vấn đề còn chưa chắc chắn trong tính toán, dự báo (trang 412)
2	Cần rà soát, chính xác hóa tên các văn bản pháp lý làm cơ sở lập quy hoạch và thực hiện đánh giá môi trường chiến lược	Chính phủ tiếp thu và đã rà soát để chính xác hóa tên các văn bản pháp lý làm cơ sở lập quy hoạch và thực hiện đánh giá môi trường chiến lược tại phần Mở đầu, mục 1.2. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch (trang 2); mục 2.1. Căn cứ pháp luật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (trang 3)
3	Phương pháp chuyên gia được sử dụng cần nêu cụ thể việc tham vấn chuyên gia, tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm để hoàn thiện dự thảo Báo cáo ĐMC	Chính phủ tiếp thu , đã bổ sung và việ dẫn quá trình tham vấn chuyên gia đã được chi tiết tại chương V, mục 5.1.3. Mô tả quá trình tham vấn tại phần Mở đầu, mục 3a- Phương pháp chuyên gia (trang 10)

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
4	Làm rõ cơ sở xác định được 12 vấn đề môi trường liên quan	Chính phủ tiếp thu , đã bổ sung, làm rõ cơ sở xác định các vấn đề môi trường tại mục 3.2. Các vấn đề môi trường chính (trang 161). Theo đó, đã bổ sung nội dung: “Trên cơ sở các nội dung về quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển trong dự thảo Quy hoạch, các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn cả nước, đặc biệt đối với các dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường được đầu tư trong giai đoạn quy hoạch cũng như phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường của quốc gia trong thời gian qua, nhóm thực hiện ĐMC đã nhận diện các nguồn tác động chính đến môi trường. Từ đó, xác định ra các tác động lên môi trường (tập trung chủ yếu các tác động tiêu cực lên môi trường) và các vấn đề môi trường chính của từng hoạt động phát triển, chi tiết được mô tả như ở Bảng 3.2”
5	Cần sử dụng các hệ số phát thải theo các quy định đã được ban hành như TCVN, QCVN hoặc các tài liệu nghiên cứu đã được công nhận để bảo đảm độ tin cậy của số liệu	Chính phủ tiếp thu và đã rà soát TCVN, QCVN, các tài liệu, công trình nghiên cứu chính thống để việc dự báo khối lượng chất thải rắn, nước thải dựa trên các hệ số phát thải đảm bảo độ tin cậy cao.
6	Bổ sung dự báo định lượng về phát thải theo 2 phương án để có số liệu so sánh, đánh giá về tầm quan trọng của việc thực hiện quy hoạch, cũng như làm cơ sở để đánh giá hiệu quả của việc thực hiện quy hoạch sau này.	Chính phủ tiếp thu và đã rà soát số liệu để dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính khi không thực hiện Quy hoạch, là cơ sở để so sánh, đánh giá với phương án thực hiện Quy hoạch tại chương 3, mục 3.3.2 (trang 199)
7	Cần thể hiện liên kết chặt chẽ giữa cơ sở dữ liệu bản đồ và báo cáo ĐMC	Chính phủ tiếp thu , đã rà soát để bảo liên kết chặt chẽ giữa cơ sở dữ liệu bản đồ và báo cáo ĐMC. Theo đó, trên cơ sở dữ liệu bản đồ phương hướng phát triển mạng lưới phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; bản đồ phương hướng quy hoạch ba loại rừng quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 từ nguồn Quy hoạch, nhóm ĐMC đã chồng chập bản đồ để từ đó dự báo tác động

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
		của phát triển hệ thống giao thông đường bộ đối với các vùng sinh thái nhạy cảm.
8	Về các đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện quy hoạch, cần bổ sung thêm căn cứ dự báo, các mô hình dự báo, xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường không khí, gia tăng phát sinh chất thải rắn, trên cơ sở đó để lựa chọn các giải pháp tương ứng.	Chính phủ tiếp thu , đã bổ sung một số tài liệu trong mục Tài liệu tham khảo để làm căn cứ đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu, tác động môi trường (dự báo, xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường không khí, gia tăng phát sinh chất thải rắn) trong việc thực hiện quy hoạch,. Tác động của BĐKH đến quy hoạch hiện nay chủ yếu được đánh giá, dự báo trên cơ sở tổng hợp kết quả các nghiên cứu tác động của BĐKH đến các lĩnh vực, khu vực từ đó đưa ra các dự báo tác động tiêu cực của BĐKH đến các nội dung của Quy hoạch tổng thể.
9	Bổ sung yêu cầu lồng ghép nội dung về ứng phó biến đổi khí hậu trong các ngành, lĩnh vực trong các quan điểm, mục tiêu, chủ trương; các giải pháp giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu, nên được phân chia sắp xếp cho 5 lĩnh vực quy định theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô – dôn;	Chính phủ giải trình như sau: Về lồng ghép nội dung về ứng phó với BĐKH trong các ngành, lĩnh vực, trong quan điểm, mục tiêu và chủ trương (của chiến lược, quy hoạch phát triển) đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Điều 93), trong đó đã đề cập đến nội dung lồng ghép. Trong phạm vi báo cáo ĐMC đối với Quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ đưa ra các định hướng nội dung lồng ghép hơn là yêu cầu về lồng ghép. Đối với các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính về cơ bản đã được cấu trúc theo các lĩnh vực: Năng lượng (cả sản xuất và tiêu dùng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, giao thông, xây dựng); quản lý chất thải và nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất. Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô – dôn chỉ đề cập đến quản lý lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp (Điều 5, điểm 2), nên việc sắp xếp các giải pháp giảm nhẹ trong báo cáo hiện nay là phù hợp với các lĩnh vực phát thải lớn, vừa đảm bảo tính tổng thể, bao trùm gắn với phát triển kinh tế.
10	Các giải pháp về bảo vệ môi trường cần phải đồng bộ và nhất quán với các tác động lên môi trường và các vấn đề môi trường. Sắp xếp các giải pháp theo thứ tự ưu tiên	Chính phủ tiếp thu và đã rà soát để đảm bảo các giải pháp về bảo vệ môi trường của chương IV, mục 4.1-Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính đồng bộ và nhất quán với các tác động lên môi trường và các vấn đề môi trường đã xác định tại chương III- Đánh giá tác động của Quy hoạch lên môi trường và sắp xếp các giải pháp theo thứ tự ưu tiên

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
11	Bổ sung các nội dung hạn chế ô nhiễm môi trường không khí thông qua biện pháp ưu tiên sử dụng năng lượng sạch; kiểm soát ô nhiễm không khí phát sinh từ các nguồn thải nông nghiệp, chăn nuôi, bãi rác	Chính phủ giải trình như sau: Khí thải phát sinh từ nông nghiệp, chăn nuôi, bãi rác chủ yếu là khí nhà kính. Theo đó, nhóm ĐMC đã dự báo cũng như đưa ra các giải pháp giảm nhẹ BĐKH gồm các giải pháp giảm thiểu phát thải KNK từ các nguồn trên tại chương IV, mục 4.1.3.1. Cụ thể, nội dung: “Trong nông nghiệp, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác trồng trọt bền vững, thông minh, các-bon thấp. Triển khai các quy hoạch, phương án, công nghệ quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi và tái sử dụng nước thải nhằm giảm nhẹ phát thải KNK” đã được đề cập trong báo cáo. Tuy nhiên, nhóm ĐMC cũng rà soát các giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí và bổ sung nội dung ” Tăng cường kiểm soát các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn như nhiệt điện, xi măng, thép, hóa chất...và các nguồn thải; khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng” tại chương IV, mục 4.1.1b.
12	Thực hiện lượng giá dịch vụ các khu bảo tồn, khu di sản thiên nhiên, vườn quốc gia, áp dụng hiệu quả các công cụ kinh tế, tài chính như thuế, phí, giấy phép phát thải	Chính phủ tiếp thu và bổ sung các ý kiến góp ý tại chương IV, mục IV.4.2.1. Định hướng áp dụng công cụ quản lý môi trường của Quy hoạch (trang 446)
13	Nghiên cứu, xây dựng và phát triển, áp dụng rộng rãi các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, đồng bộ, cập nhật, chia sẻ; từng bước chuyên đổi, số hóa cơ sở dữ liệu	Chính phủ tiếp thu và bổ sung các ý kiến góp ý tại phần Kết luận, kiến nghị, mục 4. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện Quy hoạch (trang 508)
C	<i>Đối với hệ thống sơ đồ, bản đồ của Báo cáo Quy hoạch</i>	

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
1	- Bản đồ định hướng phát triển không gian quốc gia chỉ tập trung phát triển không gian trên đất liền chưa thể hiện được phát triển không gian biển. - Bản đồ định hướng phân vùng và liên kết vùng chưa thể hiện được việc định hướng phân vùng sử dụng không gian biển và liên kết giữa khu vực đất liền với không gian biển. - Chưa thể hiện khu vực định hướng sử dụng khoáng sản biển, dầu khí trên các vùng biển; chưa thể hiện được sử dụng không gian biển khai thác điện gió trên biển. - Bản đồ định hướng sử dụng đất và bản đồ bố trí không gian các dự án; Bản đồ định hướng phát triển không gian quốc gia cần tính đến sự tương thích của Bản đồ quy hoạch không gian biển quốc gia.	Chính phủ giải trình như sau: Hiện tại các nội dung về quy hoạch không gian biển quốc gia đang tạm dừng; để bảo đảm tính chính xác của các bản đồ, Quy hoạch tổng thể quốc gia sẽ cập nhật lại các bản đồ khi quy hoạch không gian biển quốc gia tiếp tục triển khai.
2	Bản đồ định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia chưa thể hiện và phản ánh đầy đủ định hướng sử dụng tài nguyên khoáng sản trên đất liền (còn thiếu một số khu vực có tiềm năng khoáng sản cao như: than ở Quảng Ninh, sắt ở Hà Tĩnh, bôxit ở Tây Nguyên và các khoáng sản làm vật	Chính phủ tiếp thu, bổ sung nội dung trên bản đồ.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	liệu xây dựng, vật liệu san lấp trên toàn quốc):	
3	Việc thể hiện định hướng sử dụng khu vực biển cho bảo tồn còn thiếu một số khu bảo tồn quan trọng như khu bảo tồn Hòn Cau, khu bảo tồn Núi Chúa, khu bảo tồn Nam Yết đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ năm 2010 theo Quyết định số 742/QĐ-TTg. Ngoài ra, theo dự thảo hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang đề xuất quy hoạch tới 29 khu bảo tồn biển, trong đó khu vực quần đảo Trường Sa có 3 khu bảo tồn biển, tuy nhiên bản đồ định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia cũng chưa thể hiện.	Chính phủ tiếp thu , bổ sung nội dung trên bản đồ.
4	Bổ sung bản đồ chuyên đề có liên quan: - Các bản đồ về hiện trạng, định hướng phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển, các di sản thiên nhiên thế giới, ASEAN, hệ thống các khu dự trữ sinh quyển thế giới và các công viên địa chất toàn cầu ở Việt Nam. - Bản đồ về “Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam”	Chính phủ giải trình như sau: Theo quy định tại mục I phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch không quy định riêng các bản đồ về hiện trạng và định hướng phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển, các di sản thiên nhiên thế giới, ASEAN, hệ thống các khu dự trữ sinh quyển thế giới và các công viên địa chất toàn cầu ở Việt Nam. Tuy nhiên nội dung về các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển, các di sản thiên nhiên thế giới, ASEAN, hệ thống các khu dự trữ sinh quyển thế giới và các công viên địa chất toàn cầu đã được xây dựng thành một lớp bản đồ và được tích hợp trên các bản đồ như: Bản đồ định hướng bảo vệ môi trường quốc gia và bản đồ định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	(Phiên bản cập nhật 2020).	
5	Phải thể hiện đầy đủ và bảo đảm tính nhất quán đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	Chính phủ giải trình như sau: Hệ thống sơ đồ, bản đồ đã thể hiện đầy đủ tên các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tên địa danh các đảo được lấy từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6	Bổ sung lưới kinh tuyến, vĩ tuyến của các bản đồ; tổng hợp, khái quát, biên tập, trình bày các yếu tố nội dung cơ sở địa lý bản đồ từ tỉ lệ 1:1.000.000 về tỉ lệ 1:3.200.000 đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với từng nhóm bản đồ (nhóm các bản đồ liên quan đến tự nhiên, nhóm các bản đồ liên quan đến kinh tế - xã hội)	Chính phủ tiếp thu , bổ sung thể hiện kinh tuyến, vĩ tuyến trên các bản đồ tỷ lệ 1:3.200.000.
7	Không nên thể hiện các yếu tố nội dung cơ sở địa lý ở phần lãnh thổ nước ngoài.	Chính phủ tiếp thu , rà soát cách thể hiện trên bản đồ.
8	Việc thể hiện các nội dung nền cơ sở địa lý trên một số bản đồ chưa phù hợp. Ví dụ: trên bản đồ Hiện trạng phân vùng, Hiện trạng đô thị và dân cư, Hiện trạng kinh tế - xã hội... chưa thể hiện hệ thống sông, suối nhưng lại thể hiện quá chi tiết các hồ hoặc trên bản đồ không có địa giới tỉnh nhưng lại thể hiện tên tỉnh, không thể hiện đường bờ nước, các ghi chú trên bản	Chính phủ tiếp thu , rà soát cách thể hiện trên bản đồ.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	đồ chưa phù hợp.	
9	Các nội dung chuyên môn trên một số bản đồ chưa phù hợp với chủ đề và mức độ thể hiện các yếu tố nội dung của bản đồ, chưa làm nổi bật nội dung chính của bản đồ, kích thước ký hiệu bản đồ chưa hợp lý, gây sự chông chéo, khó khăn trong việc đọc nội dung bản đồ. Đề nghị cần lựa chọn, xác định các nội dung chính và nội dung phụ có liên quan và phương pháp thể hiện phù hợp với nội dung chuyên môn (Ví dụ: nội dung khu bảo tồn trên bản đồ Hiện trạng kinh tế - xã hội, khu dân cư trên bản đồ về hiện trạng đô thị và dân cư, các cảng hàng không trên một số bản đồ).	Chính phủ tiếp thu, rà soát cách thể hiện trên bản đồ.
10	Một số nội dung trên các bản đồ còn trùng lặp và không cần thiết với nội dung bản đồ (Ví dụ: các vùng kinh tế, phân cấp các đô thị, phân cấp cảng hàng không, cảng biển...). Cần rà soát phương pháp thể hiện nội dung chuyên môn trên một số bản đồ bảo đảm tính hợp lý (Ví dụ: trên bản đồ đô thị và dân cư, nên thể hiện mật độ dân số theo tỉnh; dân số đô thị thể hiện theo ký hiệu điểm ở vị trí các thành	Chính phủ tiếp thu, rà soát nội dung và cách thể hiện trên bản đồ.

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
	phố, thị xã; cơ cấu dân số theo độ tuổi, tỉ lệ dân số thành thị và nông thôn thể hiện bằng các biểu đồ...). Một số kí hiệu chưa hợp lý, khó phân biệt hoặc gây sự chòng chéo giữa các kí hiệu (Ví dụ: các loại đô thị nên sử dụng ký hiệu có cấu trúc, hình dáng hoặc màu sắc khác nhau để thể hiện trên bản đồ sẽ phù hợp hơn sử dụng kích thước to, nhỏ).	
11	Rà soát, chỉnh sửa nội dung bảng chú giải phù hợp với nội dung thể hiện trên bản đồ. Bản đồ phụ CHXHCNVN trình bày chưa hợp lý, 02 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đưa vào quá nhiều đảo nhưng phần đất liền lại không có bất cứ nội dung nào.	Chính phủ tiếp thu, rà soát cách thể hiện trên bản đồ.
12	Bổ sung các biểu đồ của một số bản đồ theo các bảng số liệu trong Báo cáo, đặc biệt là các bản đồ về kinh tế - xã hội (Ví dụ: biểu đồ phân bố tài nguyên nước theo lưu vực sông, biểu đồ về cơ cấu vùng, cơ cấu loại hình kinh tế, lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, các biểu đồ về dân số, đô thị, lao động, thương mại, y tế, giáo dục...)	

TT	Ý kiến	Tiếp thu/Giải trình
13	Bổ sung các biểu đồ của một số bản đồ theo các bảng số liệu trong Báo cáo, đặc biệt là các bản đồ về kinh tế - xã hội (Ví dụ: biểu đồ phân bố tài nguyên nước theo lưu vực sông, biểu đồ về cơ cấu vùng, cơ cấu loại hình kinh tế, lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, các biểu đồ về dân số, đô thị, lao động, thương mại, y tế, giáo dục...).	Chính phủ tiếp thu , rà soát lựa chọn bổ sung một số bảng số liệu phù hợp với phạm vi thể hiện của bản đồ.
14	Đề nghị Chính phủ chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia đảm bảo tích hợp vào hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia để sử dụng chung (đối với tỷ lệ 1:1.000.000 và 1:3.200.000 theo mô hình, cấu trúc, nội dung theo quy định kỹ thuật phù hợp với quy định của Bộ Tài nguyên nguyên và Môi trường đã ban hành, đảm bảo tích hợp vào Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia để sử dụng chung)	Chính phủ giải trình như sau: Theo quy định tại mục I Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, tỷ lệ 1:3.200.000 không thuộc danh mục tỷ lệ bản đồ quy định xây dựng. Mặt khác hệ thống bản đồ được xây dựng ở tỷ lệ 1:3.200.000 chỉ nhằm phục vụ việc in kèm theo hồ sơ Quy hoạch. Do vậy, việc hoàn thiện dữ liệu bản đồ được thực hiện ở tỷ lệ 1:1.000.000.